

Số: 474/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án
Đầu tư xây dựng cải tạo đoạn đường xã Chi Lăng, huyện Quế Võ**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 và Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT- BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra quyết toán số 66/BC-STC ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, với nội dung như sau:

- Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo đoạn đường xã Chi Lăng, huyện Quế Võ.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Quế Võ.



- Địa điểm xây dựng: Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bắc Ninh.
- Tổng mức vốn đầu tư: 31.543.551.000 đồng.
- Thời thực hiện dự án: Được duyệt: 2020 - 2022 Thực tế: 2020 – 2022
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 16/11/2023.

- Đơn vị thi công: Công ty TNHH Tấn Phát AA.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Tổng Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán được duyệt |
|-----|----------------|-------------------------|-------------------------------|
| | Tổng số | 28.917.361.994 | 27.114.971.514 |
| 1 | -Xây lắp | 26.220.366.267 | 24.912.852.204 |
| 2 | -QLDA | 495.222.178 | 446.874.000 |
| 3 | -Tư vấn | 1.719.124.789 | 1.629.708.310 |
| 4 | -Chi khác | 325.946.760 | 125.537.000 |
| 5 | -Dự phòng | 156.702.000 | 0 |

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Tổng Dự toán được duyệt | Thực hiện | | |
|--|-------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--|
| | | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3-4 |
| Tổng số | 28.917.361.994 | 27.114.971.514 | 21.874.068.000 | 5.240.903.514 |
| Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 & 2021-2025, ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) | 28.917.361.994 | 27.114.971.514 | 21.874.068.000 | 5.240.903.514 |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|--------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số: | | | | |
| Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | | | 27.114.971.514 | |
| Tài sản ngắn hạn | | | | |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: 0 đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn | Số tiền | Ghi chú |
|--|----------------|---------|
| Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 & 2021-2025, ngân sách huyện và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) | 27.114.971.514 | |

2. Các khoản công nợ tính đến ngày 05.12.2023:

2.1 Số vốn đã thanh toán:

21.874.068.000đ

2.2 Nợ phải thu:

5.240.903.514đ

- Vốn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2015, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có)

5.240.903.514đ

2.3 Nợ phải trả:

5.240.903.514đ

- Công ty TNHH Tấn Phát AA:

4.586.205.134đ

- Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương:

44.577.000đ

- Công ty cổ phần AMCEL Việt Nam:

44.955.000đ

- Công ty TNHH tư vấn và xây dựng 19-5:

12.112.000đ

- Ban quản lý các dự án xây dựng thị xã Quế Võ:

427.517.380đ

Trong đó: + Quản lý DA=267.915.370đ; + Giám sát=159.602.010đ

- Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh:

6.786.000đ

-Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Quế Võ:

25.136.000đ

-Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh:

93.615.000đ

3. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận quản lý tài sản | Tài sản cố định/ dài hạn | Tài sản ngắn hạn |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------|
| UBND xã Chi Lăng | 27.114.971.514 | |

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND thị xã Quế Võ, Ban Quản lý các dự án xây dựng thị xã Quế Võ; UBND xã Chi Lăng và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *ml*

Nơi nhận: *ml*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, XDCB;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Tân Phụng